

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RCDM+RC8	7:25	17+1+3	0+0+0		16+0+6	0+0+0	
2		TD3+TD2	7:25	1+21	0		0+22	0	
3		P11+RP3	7:25	17+5	0+0		5+17	0+0	
4		PPD+P4	7:25	8+10	0+0		6+13	0+0	PUMA
5		RC5+RC4+RP3	9:25	10+4+8	0+0+0		6+5+11	0+0+0	
6		P3+P9+PPD	9:25	2+2+17	0+0+0		0+2+20	0+0+0	CHUYEN 2 P9-PPD
7		VSP02	9:25	22	0		22	0	
8		RP3	9:25	19	0		19	0	PUMA
9		RP1+RCDM+RC8	11:25	11+5+4	0+0+0		11+6+5	0+0+0	
10		P4+MRM+RP1	11:25	14+7+0	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
11		TD2+P11	11:25	15+7	0+0		11+11	0+0	CHUYEN 1 TD2 P11
12		RC6+VSP02	11:25	5+12	0+0		5+14	0+0	ec225
13		RC5 RP3	13:25	1+20	0		0+22	0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY RP1-4NG, RC8-1NG, RCDM-1NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:RP1 - RCDM - RC8	CREW: LINH - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM25/3043		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HOAI VU	RP1						64	D-HANH	Vietnamese
2	ĐAO TRUNG KIEN	RP1	17	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC ANH TUAN	RP1						71	KH-THAC	Vietnamese
4	TSOPANOV ALAN	RP1	16	1	10			99	KH-THAC	Russian
5	PHAN NGUYEN XUAN AN	RP1	19	1	11	1	8	69	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH VAN THUAN	RP1	20-21	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG TUNG	RP1						75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CÔNG TOAN	RP1	22	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
9	TAO QUANG NGÂN	RP1	26	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN TRUONG	RP1	14-15	2	6			69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	13	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TAM	RP1	24	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG THE HAI	RP1	23	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ MẠNH HUNG	RP1	18	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH TRUNG KIEN	RP1						75	ANTOAN	Vietnamese
16	VU HUU HA	RP1	01-02	2	18			69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	25	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
18	ARTYUSHIN SERGEY	RCDM	80	1	2	1	20	82	ANTOAN	Russian
19	NGUYEN TRỌNG HIÊN	RC8	43	1	3	2	30	52	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN TUỆ	RC8	42	1	16			66	KH-THAC	Vietnamese
21	VU QUANG TUYEN	RC8	41	1	7			98	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	17	1.262	16	116	1	8	16		
2	RCDM	1	82	1	2	1	20	0		
3	RC8	3	216	3	26	2	30	6		
TOTAL		21	1.560	20	144	4	58	22		
WEIGHT KG			1.560		144		58			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TD3 - TD2	CREW: KHOÀN - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3044	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN TUAN	TD3	56	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM QUANG TRUNG	TD2	64	1	12			80	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ QUANG CUÔNG	TD2	62-63	2	19			72	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HOAN	TD2	65	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN THÀNH ANH	TD2	61	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ ANH QUÂN	TD2	67	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN MAI NAM	TD2	57-58	2	12			62	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VIỆT CHIẾN	TD2	59	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HUY	TD2	71-72	2	13			71	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC ĐOAN	TD2	68-69	2	10			63	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TRUNG THỌ	TD2						71	KHOAN	Vietnamese
12	VU NGỌC TIEN	TD2	73	1	7			76	DVL	Vietnamese
13	ĐẠO VĂN HOÀN	TD2	83	1	15			73	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN HUY ANH	TD2	86-87	2	19			93	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN CHIẾN	TD2	84-85	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BỘI	TD2	81-82	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese
17	NGÔ QUANG HUNG	TD2	74-75	2	19			78	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM THANH GIANG	TD2	66	1	3	3	49	75	KHOAN	Vietnamese
19	TRƯỜNG ĐỨC MẠNH	TD2	70	1	12	2	10	78	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	TD2	60	1	12			92	KHOAN	Vietnamese
21	TẠ NGỌC THANH	TD2	89-90	2	17			69	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH TÂM	TD2	88	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	1	70	1	10	0	0	0		
2	TD2	21	1.542	29	244	5	59	22		
TOTAL		22	1.612	30	254	5	59	22		
WEIGHT KG			1.612		254		59			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P11 - RP3	CREW: VIỆT - N.ANH - VŨ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3	VNHS FLIGHT: TM25/3047		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ARUSHANOV SERGEI	P11	07	1	14			116	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	P11	08	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG THUY	P11						68	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐAM	P11	13	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN LÊN	P11	27	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỒNG NGŨ	P11	28	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN TÂN HÙNG	P11	16-17	2	10			79	SCHLUMBE	Vietnamese
8	HERNANDEZ DE LA BASTIDA MIGUEL	P11	14-15	2	11			103	SCHLUMBE	Ecuador
9	PHẠM VĂN SƠN	P11	18	1	6			57	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT MINH	P11	29	1	3			67	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ HỒNG GIANG	P11	20	1	8			70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC ƠN	P11	19	1	4			53	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY PHÚC	P11	11-12	2	10			62	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TIẾN DŨNG	P11	09-10	2	9			69	KHOAN	Vietnamese
15	TANG TIẾN TOÀN	P11	25	1	12	1	22	80	DVL	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐỨC THƯƠNG	P11	21	1	13			87	DVL	Vietnamese
17	LÊ MINH PHƯỢNG	P11	23-24	2	13			63	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LOAN	P11	22	1	5			45	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THÀNH TRUNG	RP3	73	1	5	5	63	76	KH-THAC	Vietnamese
20	VOEVODCHENKOV N.	RP3	69-70	2	18			102	KH-THAC	Russian
21	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	71	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI NGỌC THIẾT	RP3	72	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	18	1.295	22	137	1	22	5		
2	RP3	4	341	5	37	5	63	17		
TOTAL		22	1.636	27	174	6	85	22		
WEIGHT KG			1.636		174		85			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:45
B.CARD: TRANG-1	TO: PPD - P4	CREW: ATUÁN - TRÌNH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3034	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH THÈ QUẢN	PPD	15	1	5			70	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	13	1	8			61	KHI	Vietnamese
3	TRẦN VĂN DŨNG	PPD				2	25	78	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	18	1	10			71	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	17	1	3	3	40	69	KHI	Vietnamese
6	TRẦN LÊ RANG	PPD	16	1	5			83	KHI	Vietnamese
7	ĐOÀN THANH CÔNG	PPD	19	1	7			71	KHI	Vietnamese
8	LÊ MINH PHỤNG	PPD	14	1	6			75	KHI	Vietnamese
9	ĐINH NGỌC QUY	P4	39	1	3			74	KHI	Vietnamese
10	PHẠM TRẠI	P4	37	1	6			58	KHI	Vietnamese
11	PHẠM THÈ TRƯỜNG	P4	31	1	6			74	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	36	1	4			69	KHI	Vietnamese
13	TẠ XUÂN HIỆU	P4	38	1	5			63	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TRUNG	P4	41	1	4			68	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4	40	1	3			76	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P4	33	1	5			80	KHI	Vietnamese
17	PHAN HỒNG TÂM	P4	34-35	2	10			60	KHI	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	32	1	4			81	KHI	Vietnamese
19	TRẦN VĂN NAM	P4	30	1	6			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	8	578	7	44	5	65	6		
2	P4	11	782	12	56	0	0	13		
TOTAL		19	1.360	19	100	5	65	19		
WEIGHT KG			1.360		100		65			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN
TRẦN KHÁNH TRÌNH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC5 - RC4 - RP3	CREW: LINH - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/3042	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRINH VAN TIEN	RC5	12	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH PHUONG QUY	RC5	06	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TRUNG	RC5	09	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM HOANG TUNG	RC5	10-11	2	10			73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAO QUYẾT THẮNG	RC5	07	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN HUY	RC5	05	1	14			85	KH-THAC	Vietnamese
7	LE VAN TOAN	RC5	13	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TAT TAM	RC5	14	1	6			53	PSV	Vietnamese
9	TRAN VAN CUNG	RC5	08	1	5			57	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN VIET THANH	RC4	37	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN TUNG	RC4						81	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						77	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HAI ANH	RC4	38-39	2	18			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THANH NAM	RP3	06	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG QUANG THUONG	RP3	05	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ DUY TIEN	RP3	44	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG XUAN HUNG	RP3						68	KH-THAC	Vietnamese
18	LE NGOC ANH	RP3	04	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DOAN THANH	RP3	02	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
20	LE ĐỨC HUY	RP3	01	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN PHUOC LỘC	RP3	03	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	9	627	10	62	0	0	6		
2	RC4	4	304	3	26	0	0	5		
3	RP3	8	555	7	41	0	0	11		
TOTAL		21	1.486	20	129	0	0	22		
WEIGHT KG			1.486		129		0			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: NÂU-2	TO: P3 - P9 - PPD	CREW: VIỆT - N.ANH - VŨ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/3048	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN TRÍ	P3	54-55	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LINH	P3	56-57	2	20			57	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐỖ TRỌNG ĐỨC	P9	37	1	5	3	55	66	DVL	Vietnamese
4	MAI VĂN DƯƠNG	P9	26	1	13			84	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	11	1	3			67	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	22-23	2	9			79	KHI	Vietnamese
7	KOLESNIK A.Y	PPD	08	1	10	1	20	105	KHI	Russian
8	PHẠM HAI QUANG	PPD	20-21	2	11			71	KHI	Vietnamese
9	CHU MINH PHƯƠNG	PPD						87	KHI	Vietnamese
10	BÙI THANH	PPD	03	1	2			62	KHI	Vietnamese
11	VŨ MẠNH HUNG	PPD	17	1	6			74	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC HOA	PPD	12-13	2	9			76	KHI	Vietnamese
13	TRỊNH QUỐC THÀNH	PPD	18	1	5			101	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	PPD	09-10	2	12			84	KHI	Vietnamese
15	TRỊNH CÔNG BÌNH	PPD	02	1	5			63	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HỢP	PPD	01	1	9			61	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ TIỀN THANH	PPD	06-07	2	9			67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH NGỌC	PPD	04-05	2	12			74	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HOANG	PPD	16	1	5			79	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	PPD	14-15	2	16			82	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	2	125	4	39	0	0	0		
2	P9	2	150	2	18	3	55	2 + 2		CHUYEN 2 PAX P9-PPD
3	PPD	16	1.232	22	123	1	20	20		
TOTAL		20	1.507	28	180	4	75	22		
WEIGHT KG			1.507		180		75			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: TRANG-2	TO: VSP02	CREW: XHOÀN - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/3045	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	YANDAN EDUARD	VSP02	41-42	2	23			85	KH-THAC	Russian
2	GURIN VLADISLAV	VSP02	40	1	12			102	KH-THAC	Russian
3	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	65-66	2	9			104	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	67	1	5	1	7	67	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH TRƯỜNG PHI	VSP02	63	1	10			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	45	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG LONG	VSP02	49,56	2	11			71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	50	1	15			59	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐỨC TRÍ	VSP02	62	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	53	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐỨC	VSP02	46-47	2	20			78	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH DAN	VSP02	52	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	51	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	48	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	59	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	54-55	2	9			80	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	57-58	2	14			61	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	44	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	43	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	61	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MINH QUÂN	VSP02	60	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÌNH THẾ ANH	VSP02	64	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	22	1.650	28	203	1	7	22		
TOTAL		22	1.650	28	203	1	7	22		
WEIGHT KG			1.650		203		7			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:05
B.CARD: CAM-2	TO:RP3	CREW: ATUẤN - TRÌNH	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/3035	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	70	1	5			83	KHI	Vietnamese
2	TRẦN VĂN SEN	RP3	80	1	5			70	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	79	1	6			59	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	76	1	8			55	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	75	1	5			83	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3	74	1	5			76	KHI	Vietnamese
7	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	77	1	5			65	KHI	Vietnamese
8	PANKRATOV RE	RP3	51	1	10			80	KHI	Russian
9	HÀ THỊ BAO	RP3				3	45	79	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	84	1	5			77	KHI	Vietnamese
11	PHẠM QUANG TRUNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT KÝ	RP3	87	1	5			72	KHI	Vietnamese
13	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	72-73	2	10			64	KHI	Vietnamese
14	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	78	1	5			64	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TỬ HAI	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ THANH LONG	RP3	85-86	2	15			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	83	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ ĐỨC OANH	RP3						64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THANH HOÀI	RP3	81-82	2	13			105	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	19	1.383	18	107	3	45	19		
TOTAL		19	1.383	18	107	3	45	19		
WEIGHT KG			1.383		107		45			

GRAND TOAL: 1.535 KGS

VSP REP.


NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.


ĐINH THỊ HOA

CREW


ĐOÀN ANH TUẤN
TRẦN KHÁNH TRÌNH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:RP1 - RCDM - RC8	CREW: LTUẤN - LINH - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3041	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN QUOC THUAN	RP1	33	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LOI	RP1	40	1	7	2	25	72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN BA QUY	RP1	36-37	2	9			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH HO	RP1	32	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH NGOC	RP1	34-35	2	15			103	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH CONG	RP1						60	KH-THAC	Vietnamese
7	LE DUC THIEN	RP1	39	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
8	LE THANH DUNG	RP1	29-30	2	12			87	KH-THAC	Vietnamese
9	TRANG NGOC HUNG	RP1	31	1	15			72	KH-THAC	Vietnamese
10	LY XUAN TRUNG	RP1	38	1	10			64	YTE	Vietnamese
11	DINH QUOC TRUONG	RP1	41	1	5			77	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUY	RCDM	77	1	16			81	KH-THAC	Vietnamese
13	DINH VAN CONG	RCDM	75	1	5			82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KIEM BAC	RCDM	80	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	78-79	2	15			75	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN HUAN	RCDM	76	1	5			70	PSV	Vietnamese
17	LE NGOC DUNG	RC8	16	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC QUAN	RC8	12	1	12			83	CODIEN	Vietnamese
19	DAO DUC THIEN	RC8	14-15	2	19	2	30	72	CODIEN	Vietnamese
20	MAI VAN TUONG	RC8	13	1	4			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	11	802	13	91	2	25	11		
2	RCDM	5	388	6	50	0	0	6		
3	RC8	4	281	5	45	2	30	5		
TOTAL		20	1.471	24	186	4	55	22		
WEIGHT KG			1.471		186		55			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

LUONG MANH TUAN

NGO VAN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO: P4 - MRM - RP1	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3049	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4						82	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	86	1	4			72	KHI	Vietnamese
3	HỒ NGHĨA TÀI	P4	90	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	91	1	5			66	KHI	Vietnamese
5	LÊ TRUNG LÂM	P4	88-89	2	16			72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	95	1	4			65	KHI	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH CHUÔNG	P4	98	1	7			63	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ƠN	P4	99,1000	2	12			70	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TRUNG	P4	94	1	9			55	KHI	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	P4	96	1	9			65	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HAI	P4	92	1	7			62	KHI	Vietnamese
12	NGÔ HỒNG KHANH	P4	93	1	6			58	KHI	Vietnamese
13	LÂM VĂN VINH A	P4	97	1	5			62	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VŨ ĐỨC	P4	87	1	6			69	XAYLAP	Vietnamese
15	RAKHMANOV SERGEI	MRM	53-54	2	6			69	AMNGR	Russian
16	NGUYỄN VĂN DŨNG	MRM	55	1	11			70	MINHMINH	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC LÊ	MRM	58	1	8			69	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN THAI AN	MRM	57	1	15			71	DVL	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC HƯƠNG	MRM	56	1	11			93	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC NINH	MRM	59	1	17			75	DVL	Vietnamese
21	LUƠNG MẠNH HAI	MRM	60	1	20			81	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	14	929	15	97	0	0	6		
2	MRM	7	528	8	88	0	0	8		
3	RP1	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	1.457	23	185	0	0	22		
WEIGHT KG			1.457		185		0			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: TD2 - P11	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - THÀNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3046	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU CHI CONG	TD2	78	1	10			52	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG TUAN ANH	TD2	79-80	2	13			87	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG SON	TD2	73	1	8	3	50	72	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LINH	TD2	74	1	14			66	DVL	Vietnamese
5	TRAN XUAN QUYEN	TD2	69-70	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
6	TRAN MINH TAI	TD2	65	1	10			68	XAYLAP	Vietnamese
7	QUAN VAN KHANH	TD2	76-77	2	18			74	XAYLAP	Vietnamese
8	HA MANH HUNG	TD2	64	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN TRUONG	TD2	72	1	10	1	14	67	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI DINH SANG	TD2	67-68	2	12			50	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG TOAN	TD2	66	1	5			58	PSV	Vietnamese
12	LE VAN TAI	TD2	63	1	5			75	PSV	Vietnamese
13	VO THANH NHAT	TD2	62	1	7			80	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HANH	TD2	75	1	6			70	PSV	Vietnamese
15	LE MANH HUNG	TD2	81-82	2	12			76	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HUU TUYEN	TD2	61	1	7			60	DVL	Vietnamese
17	NHAM DUC TUAN	P11	33	1	12			71	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TIET	P11	36	1	7	1	15	77	DVL	Vietnamese
19	VO CHI THANH	P11	37-38	2	18			74	DVL	Vietnamese
20	PHAM TIEN HAI	P11	30	1	13	1	11	75	XAYLAP	Vietnamese
21	LE VAN KIEU CANH	P11	34	1	8			76	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HUNG	P11	32	1	5			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	16	1.085	21	172	4	64	11	1	CHUYEN 1 PAX TD2-P11
2	P11	6	441	7	63	2	26	11		
TOTAL		22	1.526	28	235	6	90	22		
WEIGHT KG			1.526		235		90			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:35
B.CARD: TRANG-3	TO:RC6 - VSP02	CREW: ĐTRUNG - VLINH	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM25/3050	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	18	1	2	2	35	65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HOÀNG THÔNG	RC6	19-20	2	17			84	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN GIÁP TUẤT	RC6	21	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	59	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HUU NGHIEM	RC6	17	1	7			55	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	77	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIEN HIỆP	VSP02	83	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	80	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	74	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	81	1	9			80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	70-71	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	82	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	78-79	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
14	LẠI TUẤN ANH	VSP02	68-69	2	12			88	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN SƠN TÙNG	VSP02	72	1	11			70	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	VSP02	75	1	8	1	18	80	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	73	1	5			66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	5	352	6	38	2	35	5		
2	VSP02	12	858	15	93	1	18	14		
TOTAL		17	1.210	21	131	3	53	19		
WEIGHT KG			1.210		131		53			

GRAND TOAL: 1.394 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

TRỊNH VINH LINH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:35
B.CARD: XANH-4	TO: RC5 - RP3	CREW: DƯƠNG - ĐNAM - THÀNH	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM25/3051	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KURPASOV V.	RC5	15	1	5			73	KH-THAC	Russian
2	TRƯỜNG VĂN THƯỜNG	RP3	03	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN THANH CÔNG	RP3	56-57	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	09	1	3			83	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THÈ PHONG	RP3	12	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	RP3	10-11	2	7			69	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN HIEN	RP3	13	1	4			54	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	RP3	06	1	6			86	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ANH DŨNG	RP3	14	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM BÌNH NAM	RP3	07-08	2	8			59	KHI	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	04	1	4			81	KHI	Vietnamese
12	TẠ PHI KHÁNH	RP3	05	1	4			73	KHI	Vietnamese
13	PHẠM MINH ĐỨC	RP3	47-48	2	10			70	KHI	Vietnamese
14	VÔ MINH TRÍ	RP3	52-53	2	15			94	KHI	Vietnamese
15	KHUC NGỌC HIỆU	RP3	54-55	2	14	6	45	87	KHI	Vietnamese
16	HA VAN HUNG	RP3	45	1	5			64	KHI	Vietnamese
17	LÊ ANH HOÀNG	RP3	50-51	2	8			88	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG LONG	RP3	49	1	6			74	KHI	Vietnamese
19	HUYNH NGỌC BÍCH	RP3	02	1	7			73	YTE	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC THUẬN	RP3	46	1	5			51	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN LAP	RP3						60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	1	73	1	5	0	0	0		
2	RP3	20	1.418	26	130	6	45	22		
TOTAL		21	1.491	27	135	6	45	22		
WEIGHT KG			1.491		135		45			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
NGUYỄN ĐỨC NAM